

Bản án số: 150/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 29 - 8 - 2024

V/v tranh chấp xin ly hôn và
giải quyết việc nuôi con

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT TỈNH KIÊN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tuyết Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

- Bà Phạm Hồng Gái
- Ông Cao Minh Trung

- *Thư ký phiên tòa:* Ông Lê Quốc Từng- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất.

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 306/2024/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp xin ly hôn và giải quyết việc nuôi con theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 137/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Huỳnh Thị M, sinh năm 1989; địa chỉ: Tổ A, ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn:* Anh Hà Vũ Đ, sinh năm 1980; địa chỉ: ấp C, xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang.

Các đương sự vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Huỳnh Thị M trình bày: Chị và anh Đ tự quen biết, thương yêu nhau, được cha mẹ hai bên đồng ý cho tổ chức đám cưới, có đăng ký kết hôn ngày 19/7/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang. Thời gian đầu cuộc sống hôn nhân rất hạnh phúc, anh chị sinh được 02 người con: Hà Tấn P, sinh ngày 16/6/2007 và Hà Thị Mai A, sinh ngày 15/12/2011. Tuy nhiên thời gian sau này vợ chồng chung sống không hòa hợp, luôn bất đồng ý kiến và thường cãi vã nhau. Vợ chồng sống chung nhà mà không ai nói chuyện với ai, không quan tâm đến nhau, mặc dù chị đã cố gắng hàn gắn tình cảm nhưng vẫn không cải thiện được nên chị và anh Đ sống ly thân từ năm 2019. Nay chị nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên chị yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị ly hôn

với anh Đ. Về con chung, kể từ khi sống ly thân, hai con ở với anh Đ nên chị giao hai con cho anh Đ chăm sóc, nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con theo khả năng. Về tài sản chung và nợ chung, chị xác nhận không có và không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Hà Vũ Đ trình bày: Vợ chồng anh chị chung sống với nhau, có đăng ký kết hôn như chị M trình bày. Anh thừa nhận mâu thuẫn gia đình phát sinh từ vấn đề kinh tế nên chị M bỏ đi từ năm 2019 đến nay. Tuy nhiên, anh còn thương yêu chị M, mong muốn chị đoàn tụ gia đình để cùng nuôi dạy con cái trưởng thành. Trường hợp Tòa án giải quyết cho ly hôn thì anh nhận nuôi 02 con, không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung của vợ chồng, anh xác nhận không có nên không yêu cầu giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử cho chị M, anh Đ nhưng anh, chị vắng mặt tại phiên tòa, chị M có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt, do đó Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1, Điều 227 và khoản 1, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị M và anh Đ chung sống với nhau có tổ chức đám cưới và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện H, tỉnh Kiên Giang ngày 19/7/2007, do đó hôn nhân giữa anh chị là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 và Điều 9 của Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Xét yêu cầu ly hôn của chị M, Hội đồng xét xử xét thấy: Thời gian từ khi kết hôn năm 2007 đến năm 2018, chị và anh Đ chung sống hạnh phúc trên cơ sở hôn nhân tự nguyện và có với nhau 02 con chung là cháu Hà Tấn P, sinh ngày 16/6/2007 và Hà Thị Mai A, sinh ngày 15/12/2011. Tuy nhiên, kể từ năm 2019, giữa chị và anh Đ phát sinh nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng chung sống nhưng thiếu sự quan tâm, thương yêu và chăm sóc lẫn nhau, khiến cho cuộc sống hôn nhân rạn nứt, chị và anh Đ sống ly thân từ năm 2019 đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân của anh chị không còn hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được, chị M yêu cầu ly hôn nên căn cứ vào quy định tại khoản 1, Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử có cơ sở chấp nhận yêu cầu của chị về việc cho chị ly hôn với anh Đ

[4] Về nuôi con chung: Từ khi anh chị sống ly thân, hai cháu Hà Tấn P và Hà Thị Mai A sống với anh Đ, hiện tại anh Đ vẫn đảm bảo cuộc sống về vật chất và tinh thần cho hai con, các cháu có nguyện vọng muốn sống với cha, do đó Hội đồng xét xử xét nên giao hai con cho anh Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi) là phù hợp với quy định tại khoản 1 và khoản 2, Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình. Chị M được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh Đ cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị M trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.

[5] Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh Đ về việc không yêu cầu chị M cấp dưỡng nuôi con.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Chị **M** và anh **Đ** xác nhận quá trình chung sống anh chị không có tài sản chung, không có nợ chung nên anh, chị không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[7] Về án phí: Nguyên đơn chị **M** yêu cầu ly hôn nên căn cứ theo quy định tại khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, chị **M** phải có nghĩa vụ nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, Điều 51, khoản 1, Điều 56, các điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 4, Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a, khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Cho chị **Huỳnh Thị M** ly hôn với anh **Hà Vũ Đ**.
2. Về nuôi con chung: Giao hai cháu **Hà Tấn P**, sinh ngày 16/6/2007 và **Hà Thị Mai A**, sinh ngày 15/12/2011 cho anh **Đ** trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cho đến khi các cháu thành niên (đủ 18 tuổi). Chị **M** được quyền trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung. Anh **Đ** cùng các thành viên gia đình không được cản trở chị **M** trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các con.
3. Về cấp dưỡng nuôi con: Ghi nhận sự tự nguyện của anh **Đ** về việc không yêu cầu chị **M** cấp dưỡng nuôi con.
4. Về tài sản chung và nợ chung: Chị **M** không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không giải quyết.
5. Về án phí: Chị **M** phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) và được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng chị **M** đã tạm nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0000961 ngày 23/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang. Như vậy, chị **M** đã nộp xong.
6. Quyền kháng cáo: Các đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Hòn Đất;
- CCTHADS huyện Hòn Đất;
- Phòng KTNV và Thi hành án TA tỉnh;
- Sở Tư pháp tỉnh;
- UBND xã Mỹ Thuận;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Thị Tuyết Mai